

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ SỐ 3** | **ĐỀ ÔN TẬP GHK1 NĂM HỌC 2023 – 2024****Môn thi: Vật lí 10***Thời gian làm bài 45 phút không tính thời gian phát đề* |

*Họ và tên học sinh:……………………………………………………………. Lớp:………………………*

**Phần I. TRẮC NGHIỆM (28 câu - 7 điểm)**

1. [NB] Đối tượng nghiên cứu của Vật lí gồm

 **A.** Vật chất và năng lượng

 **B.** Các chuyển động cơ học và năng lượng

**C.** các dạng vận động của vật chất và năng lượng.

**D.** Các hiện tượng tự nhiên

1. [NB] Mục tiêu của môn Vật lí là:

**A.** khám phá ra quy luật tổng quát nhất chi phối sự vận động của vật chất và năng lượng, cũng như tương tác giữa chúng ở mọi cấp độ: vi mô, vĩ mô.

**B.** khám phá ra quy luật tổng quát nhất chi phối sự vận động của vật chất và năng lượng.

**C.** khảo sát sự tương tác của vật chất ở mọi cấp độ: vi mô, vĩ mô.

**D.** khám phá ra quy luật vận động cũng như tương tác của vật chất ở mọi cấp độ: vi mô, vĩ mô

1. [NB] Các hiện tượng vật lí nào sau đây **không** liên quan đến phương pháp thực nghiệm:

**A.** Tính toán quỹ đạo chuyển động của Thiên vương tinh dựa vào toán học.

**B.** Thả rơi một vật từ trên cao xuống mặt đất.

**C.** Kiểm tra sự thay đổi nhiệt độ trong quá trình nóng chảy hoặc bay hơi của một chất.

**D.** Ném một quả bóng lên trên cao

1. [TH] Thước thích hợp để đo bề dày quyển sách Vật lí 10 là

 **A.** thước kẻ có giới hạn đo 10 cm và độ chia nhỏ nhất 1 mm.

 **B.** thước dây có giới hạn đo 1 m và độ chia nhỏ nhất 1 cm.

 **C.** thước cuộn có giới hạn đo 3 m và độ chia nhỏ nhất 5 cm.

 **D.** thước thẳng có giới hạn đo 1,5 m và độ chia nhỏ nhất 1 cm.

1. [NB] Việc lắp ráp pin cho nhà máy điện mặt trời thể hiện vai trò nào sau đây?

**A.** Chăm sóc đời đống con người.

**B.** Ứng dụng công nghệ vào đời sống, sản xuất.

**C.** Nâng cao hiểu biết của con người về tự nhiên.

**D.** Nghiên cứu khoa học

1. [NB] Các hiện tượng vật lí nào sau đây liên quan đến phương pháp thực nghiệm:

**A.** Ô tô khi chạy đường dài có thể xem ô tô như là một chất điểm.

**B.** Thả rơi một vật từ trên cao xuống mặt đất.

**C.** Quả địa cầu là mô hình thu nhỏ của Trái đất.

**D.** Để biểu diễn đường truyền của ánh sáng người ta dùng tia sáng.

1. [NB] Trong các phép đo dưới đây, đâu là phép đo trực tiếp?

(1) Dùng thước đo chiều cao.

(2) Dùng cân đo cân nặng.

(3) Dùng cân và ca đong đo khối lượng riêng của nước.

(4) Dùng đồng hồ và cột cây số đo tốc độ của người lái xe.

 **A.** (1), (2). **B.** (1), (2), (4). **C.** (2), (3), (4). **D.** (2), (4).

1. [TH] Sắp xếp các bước tiến hành quá trình tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ vật lí:

(1) Phân tích số liệu.

(2) Quan sát, xác định đối tượng cần nghiên cứu.

(3) Thiết kế, xây dựng mô hình kiểm chứng giả thuyết.

(4) Đề xuất giả thuyết nghiên cứu.

(5) Rút ra kết luận.

**A.** 1 – 2 – 3 – 4 – 5 **B.** 2 – 1 – 5 – 4 – 3

**C.** 2 – 4 – 3 – 1 – 5 **D.** 5 – 4 – 2 – 1 – 3

1. [TH] Sai số hệ thống

**A.** là sai số do đặc điểm và cấu tạo dụng cụ gây ra.

**B.** là sai số do chịu tác động của các yếu tố ngẫu nhiên bên ngoài.

**C.** là sai số do thao tác của người làm thí nghiệm không chuẩn.

**D.** là sai số do điều kiện làm thí nghiệm không ổn định.

1. [TH] Cho các bước đo thời gian của một hoạt động gồm:

(1) Đặt mắt nhìn đúng cách.

(2) Ước lượng thời gian hoạt động cần đo để chọn đồng hồ thích hợp.

(3) Hiệu chỉnh đồng hồ đo đúng cách.

(4) Đọc, ghi kết quả đo đúng quy định.

(5) Thực hiện phép đo thời gian.

Thứ tự đúng các bước thực hiện để đo thời gian của một hoạt động là:

**A.** (1), (2), (3), (4), (5) **B.** (3), (2), (5), (4), (1)

**C.** (2), (3), (1), (5), (4) **D.** (2), (1), (3), (5), (4).

1. [NB] Hoạt động nào sau đây là hoạt động nghiên cứu khoa học?

**A.** Trồng hoa trong nhà kính.

**B.** Tìm vaccine phòng chống virus trong phòng thí nghiệm.

**C.** Sản xuất muối ăn từ nước biển.

**D.** Vận hành nhà máy thủy điện để sản xuất điện.

1. [TH] Chọn đáp án **sai** khi nói về những quy tắc an toàntrong phòng thí nghiệm:

**A.** Không tiếp xúc trực tiếp với các vật và các thiết bị thí nghiệm có nhiệt độ cao khi không có dụng cụ bảo hộ.

**B.** Không để nước cũng như các dung dịch dẫn điện, dung dịch dễ cháy gần thiết bị điện.

**C.** Được phép tiến hành thí nghiệm khi đã mang đồ bảo hộ.

**D.** Giữ khoảng cách an toàn khi tiến hành thí nghiệm nung nóng các vật, thí nghiệm có các vật bắn ra, tia laser.

1. [NB] Một xe ô tô xuất phát từ tỉnh A, đi đến tỉnh B cách A 60km; rồi lại trở về vị trí xuất phát ở tỉnh A. Xe này đã dịch chuyển so với vị trí xuất phát một đoạn bằng bao nhiêu?

 **A.** d = 60km. **B.** d =120 cm. **C.** d = 0 cm. **D.** d = -60 cm.

1. [NB] Chọn phát biểu đúng:

**A.** Vectơ độ dời thay đổi phương liên tục khi vật chuyển động.

**B.** Vectơ độ dời có độ lớn luôn bằng quãng đường đi được của chất điểm

**C.** Trong chuyển động thẳng độ dời bằng độ biến thiên toạ độ.

**D.** Độ dời có giá trị luôn dương.

1. [NB] Chọn phát biêu đúng:

**A.** Vectơ độ dời là một vectơ nối vị trí đầu và vị trí cuối của một chất điểm chuyển động.

**B.** Vectơ độ dời có độ lớn luôn bằng quãng đường đi được của chất điểm.

**C.** Chất điểm đi từ A đến B, từ B đến C rồi từ C về A thì có độ dời khác 0.

**D.** Độ dời luôn dương.

1. [NB] Vận tốc tức thời là:

**A.** vận tốc của một vật chuyển động rất nhanh

**B.** vận tốc của một vật được tính rất nhanh

**C.** vận tốc tại một thời điểm trong quá trình chuyển động

**D.** vận tốc của vật trong một quãng đường rất ngắn

1. [NB] Chọn câu đúng

**A.** Độ lớn vận tốc trung bình bằng tốc độ trung bình

**B.** Độ lớn vận tốc tức thời bằng tốc độ tức thời

**C.** Khi chất điểm chuyển động thẳng đều chỉ theo 1 chiều thì bao giờ vận tốc trung bình cũng bằng tốc độ trung bình

**D.** Vận tốc tức thời cho ta biết chiều chuyển động, do đó bao giờ cũng có giá trị dương.

1. [TH] Một người bắt đầu cho xe máy chạy trên một đoạn đường thẳng: trong 10 s đầu xe chạy được quãng đường 50m, trong 10 s tiếp theo xe chạy được 100m. Tốc độ trung bình của xe máy trong 20 s đầu tiên là bao nhiêu?

**A.** 54 km/h **B.** 27 km/h **C.** 15 km/h **D.** 36 km/h

1. [NB] Trong khoảng thời gian Δt, một vật đi đường quãng đường Δs thì tốc độ trung bình của nó là

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

1. [NB] Tốc độ là đại lượng đặc trưng cho:

**A.** tính chất nhanh hay chậm của chuyển động.

**B**. sự thay đổi hướng của chuyển động.

**C.** khả năng duy trì chuyển động của vật.

**D.** sự thay đổi vị trí của vật trong không gian.

1. [NB] Vận tốc của vật có giá trị âm hay dương tuỳ thuộc vào

**A.** chiều chuyển động. **B.** chuyển động là nhanh hay chậm.

**C.** chiều dương được chọn. **D.** Câu A và C.

1. [NB] Trong chuyển động thẳng, véc tơ vận tốc tức thời có

**A.** Phương và chiều không thay đổi. **C.** Phương không đổi, chiều luôn thay đổi

**B.** Phương và chiều luôn thay đổi **D.** Phương không đổi, chiều có thể thay đổi

1. [TH] Kết luận nào sau đây là **sai** khi nói về độ dịch chuyển của một vật.

**A.** Khi vật chuyển động thẳng, không đổi chiều thì độ lớn của độ dịch chuyển và quãng đường đi được bằng nhau (d = s).

**B.** Có thể nhận giá trị dương, âm hoặc bằng 0.

**C.** Độ dịch chuyển được biểu diễn bằng một mũi tên nối vị trí đầu và vị trí cuối của chuyển động, có độ lớn chính bằng khoảng cách giữa vị trí đầu và vị trí cuối. Kí hiệu là $\vec{d}$.

**D.** Khi vật chuyển động thẳng, có đổi chiều thì độ lớn của độ dịch chuyển và quãng đường đi được bằng nhau (d = s).



1. [TH] Một vật bắt đầu chuyển động từ điểm O đến điểm A, sau đó chuyển động về điểm B (hình vẽ).

 Quãng đường và độ dời của vật tương ứng bằng

**A.** 2m; -2m. **B.** 8m; -2m**.** **C.** 2m; 2m. **D.** 8m; -8m.

1. [TH] Trường hợp nào sau đây nói đến vận tốc trung bình:

**A.** Vận tốc của người đi bộ là 5 km/h.

**B.** Khi ra khỏi nòng súng, vận tốc của viên đạn là 480 m/s.

**C.** Số chỉ của tốc kế gắn trên xe máy là 56 km/h.

**D.** Khi đi qua điểm A, vận tốc của vật là 10 m/s.

1. [TH] Ở hình 1.2, kim của đồng hồ tốc độ trên ô tô chỉ vào con số ứng với vạch giữa 80 và 100; kim này đang chỉ:

**A.** Vận tốc tức thời. **B.** Tốc độ trung bình.

**C.** Vận tốc trung bình. **D.** Tốc độ tức thời.

1. [TH] Cho đồ thị dịch chuyển – thời gian của một vật như Hình 4.1. Trong những khoảng thời gian nào, vật chuyển động thẳng đều?



**A.** Trong khoảng thời gian từ 0 đến t1 và từ t1 đến t2.

**B.** Trong khoảng thời gian từ t1 đến t2.

**C.** Trong khoảng thời gian từ 0 đến t3.

**D.** Trong khoảng thời gian từ 0 đến t1 và từ t2 đến t3.

1. [TH] Cho đồ thị độ dịch chuyển – thời gian của một vật như hình. Chọn phát biểu **đúng**.

**A.** Vật đang chuyển động thẳng đều theo chiều dương.

**B** Vật đang chuyển động thẳng đều theo chiều âm.

**C.** Vật đang đứng yên.

**D.** Vật chuyển động thẳng đều theo chiều dương rồi đổi chiều chuyển động ngược lại.

 **Phần II. TỰ LUẬN (3 điểm)**

1. [VDC] Từ đồ thị độ dịch chuyển – thời gian của chuyển động thẳng dưới đây.

a) Tính tốc độ của vật

b) Tính quãng đường vật đi được trong 3,5 giờ.

1. [VDC] Một vận động viên bơi về phía Bắc với vận tốc 1,7 m/s. Nước sông chảy với vận tốc 1 m/s về phía Đông. Tìm độ lớn và hướng vận tốc tổng hợp của vận động viên.
2. Em hãy thiết lập phương án để đo được tốc độ của xe chuyển động trên máng đỡ bằng các dụng cụ sau đây: Xe kĩ thuật số kèm bộ xử lí số liệu; giá đỡ.

-----------------------------------------**HẾT**-----------------------------------------

**HƯỚNG DẪN GIẢI**

**Phần I. TRẮC NGHIỆM**

**BẢNG ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1.C | 2.A | 3.A | 4.D | 5.B | 6.B | 7.A | 8.C | 9.A | 10.C |
| 11.B | 12.C | 13.C | 14.C | 15.A | 16.C | 17.B | 18.B | 19.A | 20.A |
| 21.D | 22.D | 23.D | 24.B | 25.A | 26.D | 27.D | 28.C |  |  |

**Phần I. TRẮC NGHIỆM (28 câu - 7 điểm)**

1. [NB] Đối tượng nghiên cứu của Vật lí gồm

 **A.** Vật chất và năng lượng

 **B.** Các chuyển động cơ học và năng lượng

**C.** các dạng vận động của vật chất và năng lượng.

**D.** Các hiện tượng tự nhiên

**Lời giải:**

Chọn C

1. [NB] Mục tiêu của môn Vật lí là:

**A.** khám phá ra quy luật tổng quát nhất chi phối sự vận động của vật chất và năng lượng, cũng như tương tác giữa chúng ở mọi cấp độ: vi mô, vĩ mô.

**B.** khám phá ra quy luật tổng quát nhất chi phối sự vận động của vật chất và năng lượng.

**C.** khảo sát sự tương tác của vật chất ở mọi cấp độ: vi mô, vĩ mô.

**D.** khám phá ra quy luật vận động cũng như tương tác của vật chất ở mọi cấp độ: vi mô, vĩ mô

**Lời giải:**

Chọn A

1. [NB] Các hiện tượng vật lí nào sau đây **không** liên quan đến phương pháp thực nghiệm:

**A.** Tính toán quỹ đạo chuyển động của Thiên vương tinh dựa vào toán học.

**B.** Thả rơi một vật từ trên cao xuống mặt đất.

**C.** Kiểm tra sự thay đổi nhiệt độ trong quá trình nóng chảy hoặc bay hơi của một chất.

**D.** Ném một quả bóng lên trên cao

**Lời giải:**

Chọn A

1. [TH] Thước thích hợp để đo bề dày quyển sách Vật lí 10 là

 **A.** thước kẻ có giới hạn đo 10 cm và độ chia nhỏ nhất 1 mm.

 **B.** thước dây có giới hạn đo 1 m và độ chia nhỏ nhất 1 cm.

 **C.** thước cuộn có giới hạn đo 3 m và độ chia nhỏ nhất 5 cm.

 **D.** thước thẳng có giới hạn đo 1,5 m và độ chia nhỏ nhất 1 cm.

**Lời giải:**

Chọn D

1. [NB] Việc lắp ráp pin cho nhà máy điện mặt trời thể hiện vai trò nào sau đây?

**A.** Chăm sóc đời đống con người.

**B.** Ứng dụng công nghệ vào đời sống, sản xuất.

**C.** Nâng cao hiểu biết của con người về tự nhiên.

**D.** Nghiên cứu khoa học

**Lời giải:**

Chọn B

1. [NB] Các hiện tượng vật lí nào sau đây liên quan đến phương pháp thực nghiệm:

**A.** Ô tô khi chạy đường dài có thể xem ô tô như là một chất điểm.

**B.** Thả rơi một vật từ trên cao xuống mặt đất.

**C.** Quả địa cầu là mô hình thu nhỏ của Trái đất.

**D.** Để biểu diễn đường truyền của ánh sáng người ta dùng tia sáng.

**Lời giải:**

Chọn B

1. [NB] Trong các phép đo dưới đây, đâu là phép đo trực tiếp?

(1) Dùng thước đo chiều cao.

(2) Dùng cân đo cân nặng.

(3) Dùng cân và ca đong đo khối lượng riêng của nước.

(4) Dùng đồng hồ và cột cây số đo tốc độ của người lái xe.

 **A.** (1), (2). **B.** (1), (2), (4). **C.** (2), (3), (4). **D.** (2), (4).

**Lời giải:**

Chọn A

1. [TH] Sắp xếp các bước tiến hành quá trình tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ vật lí:

(1) Phân tích số liệu.

(2) Quan sát, xác định đối tượng cần nghiên cứu.

(3) Thiết kế, xây dựng mô hình kiểm chứng giả thuyết.

(4) Đề xuất giả thuyết nghiên cứu.

(5) Rút ra kết luận.

**A.** 1 – 2 – 3 – 4 – 5 **B.** 2 – 1 – 5 – 4 – 3

**C.** 2 – 4 – 3 – 1 – 5 **D.** 5 – 4 – 2 – 1 – 3

**Lời giải:**

Chọn C

1. Sai số hệ thống

**A.** là sai số do đặc điểm và cấu tạo dụng cụ gây ra.

**B.** là sai số do chịu tác động của các yếu tố ngẫu nhiên bên ngoài.

**C.** là sai số do thao tác của người làm thí nghiệm không chuẩn.

**D.** là sai số do điều kiện làm thí nghiệm không ổn định.

**Lời giải:**

Chọn A

1. [TH] Cho các bước đo thời gian của một hoạt động gồm:

(1) Đặt mắt nhìn đúng cách.

(2) Ước lượng thời gian hoạt động cần đo để chọn đồng hồ thích hợp.

(3) Hiệu chỉnh đồng hồ đo đúng cách.

(4) Đọc, ghi kết quả đo đúng quy định.

(5) Thực hiện phép đo thời gian.

Thứ tự đúng các bước thực hiện để đo thời gian của một hoạt động là:

**A.** (1), (2), (3), (4), (5) **B.** (3), (2), (5), (4), (1)

**C.** (2), (3), (1), (5), (4) **D.** (2), (1), (3), (5), (4).

**Lời giải:**

Chọn C

1. [NB] Hoạt động nào sau đây là hoạt động nghiên cứu khoa học?

**A.** Trồng hoa trong nhà kính.

**B.** Tìm vaccine phòng chống virus trong phòng thí nghiệm.

**C.** Sản xuất muối ăn từ nước biển.

**D.** Vận hành nhà máy thủy điện để sản xuất điện.

**Lời giải:**

Chọn B

1. [TH] Chọn đáp án **sai** khi nói về những quy tắc an toàntrong phòng thí nghiệm:

**A.** Không tiếp xúc trực tiếp với các vật và các thiết bị thí nghiệm có nhiệt độ cao khi không có dụng cụ bảo hộ.

**B.** Không để nước cũng như các dung dịch dẫn điện, dung dịch dễ cháy gần thiết bị điện.

**C.** Được phép tiến hành thí nghiệm khi đã mang đồ bảo hộ.

**D.** Giữ khoảng cách an toàn khi tiến hành thí nghiệm nung nóng các vật, thí nghiệm có các vật bắn ra, tia laser.

**Lời giải:**

Chọn C

1. [NB] Một xe ô tô xuất phát từ tỉnh A, đi đến tỉnh B cách A 60km; rồi lại trở về vị trí xuất phát ở tỉnh A. Xe này đã dịch chuyển so với vị trí xuất phát một đoạn bằng bao nhiêu?

 **A.** d = 60km. **B.** d =120 cm. **C.** d = 0 cm. **D.** d = -60 cm.

**Lời giải:**

Chọn C

 Do điểm xuất phát và điểm kết thúc trùng nhau nên độ dịch chuyển bằng 0.

1. [NB] Chọn phát biểu đúng:

**A.** Vectơ độ dời thay đổi phương liên tục khi vật chuyển động.

**B.** Vectơ độ dời có độ lớn luôn bằng quãng đường đi được của chất điểm

**C.** Trong chuyển động thẳng độ dời bằng độ biến thiên toạ độ.

**D.** Độ dời có giá trị luôn dương.

**Lời giải:**

Chọn C

1. [NB] Chọn phát biêu đúng:

**A.** Vectơ độ dời là một vectơ nối vị trí đầu và vị trí cuối của một chất điểm chuyển động.

**B.** Vectơ độ dời có độ lớn luôn bằng quãng đường đi được của chất điểm.

**C.** Chất điểm đi từ A đến B, từ B đến C rồi từ C về A thì có độ dời khác 0.

**D.** Độ dời luôn dương.

**Lời giải:**

Chọn A

1. [NB] Vận tốc tức thời là:

**A.** vận tốc của một vật chuyển động rất nhanh

**B.** vận tốc của một vật được tính rất nhanh

**C.** vận tốc tại một thời điểm trong quá trình chuyển động

**D.** vận tốc của vật trong một quãng đường rất ngắn

**Lời giải:**

Chọn C

1. [NB] Chọn câu đúng

**A.** Độ lớn vận tốc trung bình bằng tốc độ trung bình

**B.** Độ lớn vận tốc tức thời bằng tốc độ tức thời

**C.** Khi chất điểm chuyển động thẳng đều chỉ theo 1 chiều thì bao giờ vận tốc trung bình cũng bằng tốc độ trung bình

**D.** Vận tốc tức thời cho ta biết chiều chuyển động, do đó bao giờ cũng có giá trị dương.

**Lời giải:**

Chọn B

1. [TH] Một người bắt đầu cho xe máy chạy trên một đoạn đường thẳng: trong 10 s đầu xe chạy được quãng đường 50m, trong 10 s tiếp theo xe chạy được 100m. Tốc độ trung bình của xe máy trong 20 s đầu tiên là bao nhiêu?

**A.** 54 km/h **B.** 27 km/h **C.** 15 km/h **D.** 36 km/h

Chọn B



1. [NB] Trong khoảng thời gian Δt, một vật đi đường quãng đường Δs thì tốc độ trung bình của nó là

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Lời giải:**

Chọn A

1. [NB] Tốc độ là đại lượng đặc trưng cho:

**A.** tính chất nhanh hay chậm của chuyển động.

**B**. sự thay đổi hướng của chuyển động.

**C.** khả năng duy trì chuyển động của vật.

**D.** sự thay đổi vị trí của vật trong không gian.

**Lời giải:**

Chọn A

1. [NB] Vận tốc của vật có giá trị âm hay dương tuỳ thuộc vào

**A.** chiều chuyển động. **B.** chuyển động là nhanh hay chậm.

**C.** chiều dương được chọn. **D.** Câu A và C.

**Lời giải:**

Chọn D

1. [NB] Trong chuyển động thẳng, véc tơ vận tốc tức thời có

**A.** Phương và chiều không thay đổi. **C.** Phương không đổi, chiều luôn thay đổi

**B.** Phương và chiều luôn thay đổi **D.** Phương không đổi, chiều có thể thay đổi

**Lời giải:**

Chọn D

1. [TH] Kết luận nào sau đây là **sai** khi nói về độ dịch chuyển của một vật.

**A.** Khi vật chuyển động thẳng, không đổi chiều thì độ lớn của độ dịch chuyển và quãng đường đi được bằng nhau (d = s).

**B.** Có thể nhận giá trị dương, âm hoặc bằng 0.

**C.** Độ dịch chuyển được biểu diễn bằng một mũi tên nối vị trí đầu và vị trí cuối của chuyển động, có độ lớn chính bằng khoảng cách giữa vị trí đầu và vị trí cuối. Kí hiệu là $\vec{d}$.

**D.** Khi vật chuyển động thẳng, có đổi chiều thì độ lớn của độ dịch chuyển và quãng đường đi được bằng nhau (d = s).

**Lời giải:**

Chọn D



1. [TH] Một vật bắt đầu chuyển động từ điểm O đến điểm A, sau đó chuyển động về điểm B (hình vẽ).

 Quãng đường và độ dời của vật tương ứng bằng

**A.** 2m; -2m. **B.** 8m; -2m**.** **C.** 2m; 2m. **D.** 8m; -8m.

**Lời giải:**

Chọn B

Quãng đường: 

Độ dịch chuyển: 

1. [TH] Trường hợp nào sau đây nói đến vận tốc trung bình:

**A.** Vận tốc của người đi bộ là 5 km/h.

**B.** Khi ra khỏi nòng súng, vận tốc của viên đạn là 480 m/s.

**C.** Số chỉ của tốc kế gắn trên xe máy là 56 km/h.

**D.** Khi đi qua điểm A, vận tốc của vật là 10 m/s.

**Lời giải:**

Chọn A

1. [TH] Ở hình 1.2, kim của đồng hồ tốc độ trên ô tô chỉ vào con số ứng với vạch giữa 80 và 100; kim này đang chỉ:

**A.** Vận tốc tức thời. **B.** Tốc độ trung bình.

**C.** Vận tốc trung bình. **D.** Tốc độ tức thời.

**Lời giải:**

Chọn D

1. [TH] Cho đồ thị dịch chuyển – thời gian của một vật như Hình 4.1. Trong những khoảng thời gian nào, vật chuyển động thẳng đều?



**A.** Trong khoảng thời gian từ 0 đến t1 và từ t1 đến t2.

**B.** Trong khoảng thời gian từ t1 đến t2.

**C.** Trong khoảng thời gian từ 0 đến t3.

**D.** Trong khoảng thời gian từ 0 đến t1 và từ t2 đến t3.

**Lời giải:**

Chọn D



1. [TH] Cho đồ thị độ dịch chuyển – thời gian của một vật như hình. Chọn phát biểu **đúng**.

**A.** Vật đang chuyển động thẳng đều theo chiều dương.

**B** Vật đang chuyển động thẳng đều theo chiều âm.

**C.** Vật đang đứng yên.

**D.** Vật chuyển động thẳng đều theo chiều dương rồi đổi chiều chuyển động ngược lại.

 **Lời giải:**

Chọn C

**Phần II. TỰ LUẬN**

1. [VD] Từ đồ thị độ dịch chuyển – thời gian của chuyển động thẳng dưới đây.

a) Tính tốc độ của vật

b) Tính quãng đường vật đi được trong 3,5 giờ.

**Lời giải:**

a) Tốc độ của vật:

: công thức sai

b) Quãng đường vật đi được trong 3,5 giờ.



1. [VD] Một vận động viên bơi về phía Bắc với vận tốc 1,7 m/s. Nước sông chảy với vận tốc 1 m/s về phía Đông. Tìm độ lớn và hướng vận tốc tổng hợp của vận động viên.

**Lời giải:**



 Gọi:

 (1): vận động viên

 (2): nước

 (3): bờ

 Ta có: 

 Vì nên 

1. [VDC] Em hãy thiết lập phương án để đo được tốc độ của xe chuyển động trên máng đỡ bằng các dụng cụ sau đây: Xe kĩ thuật số kèm bộ xử lí số liệu; giá đỡ

**Lời giải:**

 - Dụng cụ: Xe kĩ thuật số kèm bộ xử lí số liệu; giá đỡ

 - Tiến hành: Lắp các dụng cụ như trên hình

 + Đặt giá đỡ nghiêng so với phương ngang để xe có thể chuyển động được trên giá đỡ

 + Cho xe chuyển động từ đỉnh của giá đỡ xuống, bộ xử lí số liệu gắn trên xe sẽ cung cấp số liệu để

PHẢN BIỆN

Đề có trình bày theo file mẫu

Câu 8 trùng nội dung câu 4

Câu 27,28 chưa bám sát nội dung ma trận

Câu 2(30) tự luận chưa tìm hướng vận tốc của VĐV

Câu 31 hướng dẫn giải chưa hoàn chỉnh. chưa để mức độ.